

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

BẢN SAO

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2010
CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM (VIWASEEN)

Hà Nội, tháng năm 2012

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2010 CỦA TỔNG CÔNG TY
ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM (VIWASEEN)

Thực hiện Quyết định số 1502/QĐ-KTNN ngày 21/09/2011 của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị (HUD). Tổ kiểm toán Nhà nước thuộc KTNN chuyên ngành V đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Tổng công ty Đầu tư nước và Môi trường Việt Nam (Viết tắt là: TCT) từ ngày 04/10/2011 đến ngày 30/11/2011.

1. Nội dung kiểm toán

Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010; Kiểm toán, đánh giá tính kinh tế, hiệu quả trong quản lý sử dụng tài sản, vốn nhà nước; kiểm toán, đánh giá hoạt động đầu tư; Kiểm toán tình hình sắp xếp đổi mới, cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, tình hình quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp; Kiểm toán công tác quản lý, sử dụng đất đai; Kiểm toán việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính - kế toán, chế độ quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm đấu thầu theo quy định của nhà nước.

2. Phạm vi và giới hạn kiểm toán

2.1. Phạm vi kiểm toán

- Các đơn vị được kiểm toán: Kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của TCT, Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và 6 công ty con (Công ty Cổ phần Viwaseen 1; Công ty Cổ phần Viwaseen 2; Công ty Cổ phần Viwaseen 3; Công ty Cổ phần Viwaseen 6; Công ty Cổ phần Viwaseen 12; Công ty Cổ phần Waseco).

- Chọn mẫu kiểm toán tối thiểu từ 70% giá trị trở lên của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đối với các chỉ tiêu: Tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước tại các đơn vị được kiểm toán;

- Tỷ trọng các chỉ tiêu tài chính được kiểm toán (theo số báo cáo): Tài sản nguồn vốn: 1.983.458 tr.đ/2.387.176 tr.đ, đạt tỷ lệ 83%; Tổng doanh thu và thu nhập khác: 1.629.915 tr.đ/1.870.299 tr.đ, đạt tỷ lệ 87%; Tổng chi phí: 1.569.974 tr.đ/1.796.830 tr.đ, đạt tỷ lệ 87%;

- Năm tài chính được kiểm toán: Niên độ kế toán năm 2010 và các thời kỳ trước sau có liên quan.

2.2. Giới hạn kiểm toán

- Do điều kiện thời gian, nhân lực và thực hiện kiểm toán sau thời điểm lập Báo cáo tài chính của đơn vị nên Đoàn kiểm toán không tham gia giám sát kiểm kê vật tư tài sản, tiền mặt, khối lượng xây lắp dở dang; Không đối chiếu xác minh hoá đơn mua hàng hóa, dịch vụ; Không đối chiếu nợ phải thu, phải trả với các đơn vị có liên quan; Không kiểm toán sổ dư đầu năm; Không kiểm toán Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;

- Không kiểm toán 08 công ty con (Công ty Cổ phần Wase; Công ty Cổ phần Viwaseen 4; Công ty Cổ phần Viwaseen 11; Công ty Cổ phần Viwaseen 14; Công ty Cổ phần Viwaseen 15; Công ty Cổ phần Viwamex; Công ty Cổ phần Viwaseen Huế; Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà Địa Lợi) và các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo sổ báo cáo của đơn vị.

3. Căn cứ kiểm toán

- Luật Kiểm toán nhà nước, Luật Kế toán, các Luật Thuế, Chuẩn mực kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

- Hệ thống Chuẩn mực Kiểm toán Nhà nước, Quy trình kiểm toán, Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán Nhà nước của Kiểm toán Nhà nước.

Báo cáo kiểm toán được lập trên cơ sở các bằng chứng kiểm toán; Báo cáo kiểm toán của Công ty mẹ và 6 công ty con, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của TCT (Được lập ngày 05 tháng 05 năm 2011) và các tài liệu có liên quan. Báo cáo kiểm toán gồm các nội dung cơ bản sau:

PHẦN THỨ NHẤT KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI 31/12/2010

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	MS	SỐ BÁO CÁO	SỐ KIỂM TOÁN	CHÉCH LỆCH
A	B	1	2	3
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100)=110+120+130+140+150	100	1.573.380.444.411	1.581.199.333.066	7.818.888.655
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	119.342.243.921	119.342.243.921	
1. Tiền mặt tại quỹ	111	89.854.260.663	89.854.260.663	
2. Các khoản tương đương tiền	112	29.487.983.258	29.487.983.258	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	1.861.028.776	1.861.028.776	
1. Đầu tư ngắn hạn	121	1.861.028.776	1.861.028.776	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		0	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	693.382.203.270	710.094.099.529	16.711.896.259
1. Phải thu khách hàng	131	515.064.666.992	536.156.354.554	21.091.687.562
2. Trả trước cho người bán	132	146.811.287.423	146.811.287.423	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134			

5. Các khoản phải thu khác	138	34.704.610.137	34.753.772.445	49.162.308
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	(3.198.361.282)	(7.627.314.893)	(4.428.953.611)
IV. Hàng tồn kho	140	632.766.109.377	624.044.549.861	(8.721.559.516)
1. Hàng tồn kho	141	632.778.259.767	624.056.700.251	(8.721.559.516)
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(12.150.390)	(12.150.390)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	126.028.859.067	125.857.410.979	(171.448.088)
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.486.023.218	4.486.023.218	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	14.999.465.443	10.586.157.585	(4.413.307.858)
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	1.170.766.597	5.412.626.367	4.241.859.770
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	105.372.603.809	105.372.603.809	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200	813.795.940.100	812.930.485.151	(865.454.949)
I- Các khoản phải thu dài hạn	210	0	0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220	684.222.435.830	683.276.627.455	(945.808.375)
1. Tài sản cố định hữu hình	221	179.976.407.180	179.976.407.180	0
- Nguyên giá	222	280.992.641.647	280.992.641.647	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(101.016.234.467)	(101.016.234.467)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	0	0	0
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	3.904.496.753	3.904.496.753	0
- Nguyên giá	228	5.025.749.185	5.025.749.185	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(1.121.252.432)	(1.121.252.432)	
4. Chi phí XD cơ bản dở dang	230	500.341.531.897	499.395.723.522	(945.808.375)
III. Bất động sản đầu tư	240	0	0	0
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản ĐT tài chính dài hạn	250	93.398.595.736	93.398.595.736	0
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	81.080.702.008	81.080.702.008	
3. Đầu tư dài hạn khác	258	12.317.893.728	12.317.893.728	
4. Dự phòng giảm giá ĐT tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260	10.879.597.334	10.959.950.760	80.353.426
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8.584.983.782	8.665.337.208	80.353.426
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	375.672.333	375.672.333	
3. Tài sản dài hạn khác	268	1.918.941.219	1.918.941.219	
IV. Lợi thế thương mại	269	25.295.311.200	25.295.311.200	
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	2.387.176.384.511	2.394.129.818.217	6.953.433.706

NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300	1.638.696.875.547	1.651.271.102.358	12.574.226.811
I. Nợ ngắn hạn	310	1.310.601.189.336	1.333.175.416.147	22.574.226.811
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	496.068.804.488	506.068.804.488	10.000.000.000
2. Phải trả người bán	312	425.719.172.249	425.648.249.073	(70.923.176)
3. Người mua trả tiền trước	313	208.427.175.757	202.826.041.166	(5.601.134.591)
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	314	36.429.758.284	39.468.188.709	3.038.430.425
5. Phải trả người lao động	315	9.628.606.453	9.866.044.119	237.437.666
6. Chi phí phải trả	316	82.340.026.502	97.890.326.281	15.550.299.779
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	43.765.099.143	43.701.141.608	(63.957.535)
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	370.741.343	370.741.343	
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	7.851.805.117	7.335.879.360	(515.925.757)
II. Nợ dài hạn	330	328.095.686.211	318.095.686.211	(10.000.000.000)
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	127.042.840.300	127.042.840.300	
4. Vay và nợ dài hạn	334	179.836.221.822	169.836.221.822	(10.000.000.000)
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	1.784.205.679	1.784.205.679	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	19.432.418.410	19.432.418.410	
9. Quỹ khoa học công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400	568.743.262.066	562.825.377.410	(5.917.884.656)
I. Vốn chủ sở hữu	410	566.637.704.884	560.719.820.228	(5.917.884.656)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	507.182.855.653	513.150.470.754	5.967.615.101
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	6.357.563.407	6.357.563.407	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	2.706.987.366	2.706.987.366	
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	1.274.485.403	1.274.485.403	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	14.016.440.412	7.785.009.589	(6.231.430.823)
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	4.265.789.451	4.197.952.103	(67.837.348)
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	97.565.149	97.565.149	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	30.736.018.043	25.149.786.458	(5.586.231.585)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	2.105.557.182	2.105.557.182	0
1. Nguồn kinh phí	432	2.105.557.182	2.105.557.182	
2. Nguồn KF đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	179.736.246.898	180.033.338.449	297.091.551
TỔNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440	2.387.176.384.511	2.394.129.818.217	6.953.433.706

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MS	SỐ BÁO CÁO	SỐ KIỂM TOÁN	CHÉCH LỆCH
A	B	1	2	3
1. Tài sản thuê ngoài			0	
2. Vật tư nhận giữ hộ gia công		409.552.569	409.552.569	
3. Hàng hoá nhận bán hộ ký gửi			0	
4. Nợ khó đòi đã xử lý		291.092.144	291.092.144	0
5. Ngoại tệ các loại			0	
- USD		17.097,12	17.097,12	
- Yên		127.732,00	127.732,00	
- EUR		50.248,97	50.248,97	
- AUD		879,68	879,68	
6. Dự toán chi sự nghiệp dự án				

** Giải thích nguyên nhân chênh lệch: Phụ biểu số 01/BCKT-DNNN kèm theo*

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2010

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	MS	SỐ BÁO CÁO	SỐ KIỂM TOÁN	CHÉCH LỆCH
A	B	1	2	3
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	1.813.833.361.706	1.586.939.710.144	(226.893.651.562)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	3	362.182.244	362.182.244	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10	1.813.471.179.462	1.586.577.527.900	(226.893.651.562)
4. Giá vốn hàng bán	11	1.656.472.626.013	1.428.383.484.213	(228.089.141.800)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	156.998.553.449	158.194.043.687	1.195.490.238
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	48.254.490.008	21.293.369.573	(26.961.120.435)
7. Chi phí tài chính	22	47.365.423.086	43.490.375.127	(3.875.047.959)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	38.758.545.912	41.263.483.512	2.504.937.600
8. Chi phí bán hàng	24	3.672.325.548	3.672.325.548	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	92.152.895.520	96.566.297.426	4.413.401.906
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30	62.062.399.303	35.758.415.159	(26.303.984.144)
11. Thu nhập khác	31	8.212.008.692	8.285.293.299	73.284.607
12. Chi phí khác	32	5.278.738.767	5.278.738.767	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	2.933.269.925	3.006.554.532	73.284.607
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	45	8.473.200.985	8.473.200.985	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	73.468.870.213	47.238.170.676	(26.230.699.537)
16. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	13.624.939.422	13.435.987.014	(188.952.408)
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	59.843.930.791	33.802.183.662	(26.041.747.129)

18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	17.902.449.326	18.375.134.175	472.684.849
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ (62=60-61)	62	41.941.481.465	15.427.049.488	(26.514.431.977)

* Giải thích nguyên nhân chênh lệch: (Phụ biểu số 02/BCKT-DNNN kèm theo)

III. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP NSNN ĐẾN 31/12/2010

1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị: Đồng

Chi tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	I	2	3=2-1
I. Thuế		1.170.766.597	5.412.626.367	4.241.859.770
1. Thuế GTGT			4.241.859.770	4.241.859.770
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt				
3. Thuế xuất nhập khẩu				
4. Thuế thu nhập DN		1.170.766.597	1.170.766.597	
5. Thuế thu nhập cá nhân				
6. Thuế tài nguyên				
7. Thuế nhà đất và tiền thuê đất				
8. Thuế khác				
II. Các khoản phải thu khác				
Cộng I+II		1.170.766.597	5.412.626.367	4.241.859.770
III. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				

2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: Đồng

Chi tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	I	2	3=2-1
I. Thuế		35.427.418.105	38.465.848.530	3.038.430.425
1. Thuế GTGT		19.430.885.441	22.150.003.343	2.719.117.902
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt				
3. Thuế xuất nhập khẩu		14.039.971	14.039.971	0
4. Thuế thu nhập DN		13.626.606.664	13.923.148.329	296.541.665
5. Thuế thu nhập cá nhân		934.595.300	1.469.257.743	534.662.443
6. Thuế tài nguyên		14.536.307	15.148.585	612.278
7. Thuế nhà đất và tiền thuê đất		638.127.693	638.127.693	0
8. Thuế khác		768.626.729	256.122.866	(512.503.863)
II. Các khoản phải nộp khác		1.002.340.179	1.002.340.179	0

Cộng (I+II)		36.429.758.284	39.468.188.709	3.038.430.425
III.Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				

** Giải thích nguyên nhân chênh lệch: Phụ biểu số 03/BCKT-DNNN kèm theo*

IV. KIỂM TOÁN VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT, CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN; TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, TÍNH HIỆU QUẢ TRONG VIỆC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

1. Về công tác quản lý tài chính

Năm 2010, TCT thực hiện quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh theo các văn bản pháp quy áp dụng đối với doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp Nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán, Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản pháp luật khác của Nhà nước điều chỉnh các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất kinh doanh của đơn vị. Ngoài ra, các đơn vị của TCT quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo các văn bản và các quy chế riêng:

- Tại Công ty mẹ: Thực hiện theo Điều lệ tổ chức hoạt động ban hành kèm theo Quyết định số 471/QĐ-BXD ngày 21/03/2006 của Bộ Xây dựng; Quy chế tạm thời về quản lý tài chính ban hành theo Quyết định số 121a/QĐ-HĐQT ngày 06/09/2006; Quy chế phân cấp quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc ban hành theo Quyết định số 1007/CT/QĐ ngày 27/06/2003; Quy chế giao nhận khoán, giao nhận thầu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 89/QĐ-HĐQT ngày 02/6/2006; Quy chế quản lý lao động tiền lương và phân phối tiền lương ban hành kèm theo Quyết định số 396/QĐ/CTN-HĐQT ngày 20/02/2008; Quy định tạm thời về phân cấp quản lý đầu tư và quy trình thực hiện trong đầu tư của TCT ban hành kèm theo Quyết định số 159/QĐ-HĐQT ngày 22/11/2006; Quy chế người đại diện phần vốn góp của TCT tại doanh nghiệp khác ban hành kèm theo Quyết định số 143/QĐ-HĐQT ngày 16/10/2006; Quy chế hoạt động của chi nhánh trực thuộc TCT ban hành kèm theo Quyết định số 34/QĐ-HĐQT ngày 04/03/2006 của Hội đồng quản trị TCT; Thỏa ước lao động tập thể được Sở Lao động Thương binh xã hội xác nhận số 01/LĐTLXH-CSLĐVL ngày 05/01/2010;

- Các công ty con: Tổ chức, quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Điều lệ tổ chức hoạt động, Quy chế quản lý tài chính nội bộ, Quy chế trả lương của các công ty con do Hội đồng quản trị các công ty con ban hành.

Công tác quản lý tài chính năm 2010 của TCT và các đơn vị được kiểm toán thể hiện ở những điểm cơ bản sau:

1.1. Quản lý tài sản và nguồn vốn

a. Quản lý tài sản

- Quản lý tiền và các khoản tương đương tiền: Các đơn vị đã mở sổ kế toán theo dõi các khoản thu chi; Kiểm kê quỹ tiền mặt; Đối chiếu số dư tiền gửi ngân

hàng vào thời điểm cuối năm; Thực hiện đánh giá số dư tiền mặt, tiền gửi ngoại tệ khi lập báo cáo tài chính theo quy định.

- Quản lý các khoản phải thu: Các đơn vị đã xây dựng Quy chế quản lý tài chính, trong đó có nội dung quản lý công nợ làm cơ sở cho điều hành hoạt động kinh doanh; Thực hiện mở sổ kế toán theo dõi các khoản nợ phải thu cơ bản theo quy định; Một số đơn vị có tỷ lệ đối chiếu một số loại công nợ cao, trên 80%: Nợ phải thu với khách hàng (Công ty Cổ phần Waseco là 90%; Công ty Cổ phần Viwaseen 3 là 92%); Trả trước người bán (Công ty Cổ phần Viwaseen 3 là 99%; Công ty Cổ phần Waseco là 84%).

Tuy nhiên, tại một số đơn vị còn một số tồn tại:

+ Chỉ số khách hàng chiếm dụng vốn: Tỷ lệ các khoản phải thu khách hàng trên doanh thu của TCT là 33,8% (536.156 tr.đ/1.586.939 tr.đ; Hệ số vốn bị chiếm dụng vốn: Tổng số nợ phải thu trên Tổng tài sản là 29,7% (710.094 tr.đ/2.394.129 tr.đ), cá biệt có đơn vị có hệ số bị chiếm dụng vốn cao trên 50% (Công ty Cổ phần Viwaseen 2 là 68,7%);

+ Tỷ lệ một số khoản nợ phải thu của một số đơn vị được đối chiếu còn chưa cao, chưa đạt 50%: Nợ phải thu khách hàng (Công ty Cổ phần Viwaseen 1 là 19%); Các khoản phải thu khác (Công ty Cổ phần Viwaseen 1 là 0%; Công ty Cổ phần Viwaseen 3 là 19%); Trả trước người bán dưới 50% (Công ty Cổ phần Viwaseen 1 là 0%);

+ Tổng số nợ phải thu quá hạn trên 2 năm của 07 đơn vị được kiểm toán là 29.344 tr.đ, quá hạn trên 3 năm là 60.860 tr.đ; Một số đơn vị trích dự phòng nợ khó đòi chưa đầy đủ, kiểm toán đề nghị trích bổ sung: 4.507 tr.đ (Công ty mẹ; Công ty Cổ phần Viwaseen 1; Công ty Cổ phần Waseco; Công ty Cổ phần Viwaseen 12); Các khoản nợ quá hạn trên 3 năm không được đối chiếu nhưng chưa được xử lý theo quy định: 56.370 tr.đ, chiếm 7,5% Vốn chủ sở hữu (56.370 tr.đ/742.859 tr.đ) (Công ty mẹ; Công ty Cổ phần Viwaseen 1; Công ty Cổ phần Viwaseen 2);

- Quản lý hàng tồn kho: Các đơn vị đã thực hiện mở sổ theo dõi chi tiết hàng hóa tồn kho; Thành lập Hội đồng kiểm kê và thực hiện kiểm kê vật tư, hàng hóa tồn kho vào thời điểm cuối năm theo quy định.

Tuy nhiên, một số đơn vị còn tồn tại:

+ Chưa thực hiện kiểm kê khối lượng dở dang một số công trình (Công ty Cổ phần Viwaseen 1; Công ty Cổ phần Viwaseen 2; Công ty Cổ phần Viwaseen 6; Công ty Cổ phần 12);

+ Kiểm kê khối lượng dở dang một số công trình còn chưa chính xác, chưa phù hợp với thực tế đã thi công tại công trình (Công ty Cổ phần Viwaseen 3).

- Quản lý tài sản ngắn hạn khác: Thực hiện mở sổ kế toán theo dõi các khoản tạm ứng, các khoản chi phí trả trước cơ bản theo quy định; Một số đơn vị đã chú trọng đến công tác đối chiếu xác nhận các khoản dư tạm ứng, có tỷ lệ đối chiếu cao trên 90% (Công ty Cổ phần Viwaseen 3 là 100%).

Tuy nhiên, một số đơn vị còn tồn tại:

+ Một số đơn vị chưa chú trọng đến công tác đối chiếu các khoản tạm ứng, có tỷ lệ khoản tạm ứng được đối chiếu thấp dưới 50% (Công ty mẹ là 39%; Công ty Cổ phần Viwaseen 1 là 40%; Công ty Cổ phần Viwaseen 2 là 0%; Công ty Cổ phần Viwaseen 6; Công ty Cổ phần Viwaseen 12).

+ Một số khoản tạm ứng đã lâu nhưng chưa thu hồi, hoàn ứng kịp thời, trong đó tạm ứng đã trên 2 năm chưa thu hồi là: 14.474 tr.đ. (Công ty mẹ; Công ty Cổ phần Viwaseen 1; Công ty Cổ phần Viwaseen 2; Công ty Cổ phần Viwaseen 6; Công ty Cổ phần Viwaseen 12).

- Quản lý các khoản đầu tư tài chính: Thực hiện mở sổ theo dõi các khoản đầu tư tài chính; Các đơn vị không đầu tư vào các quỹ tài chính, chứng khoán ngân hàng; Thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính vào cuối năm theo quy định.

Tuy nhiên, còn tồn tại:

+ Còn một số khoản đầu tư tài chính ngoài ngành sản xuất kinh doanh chính với giá trị là: 57.255 tr.đ (Công ty mẹ);

+ Công ty Waseco đầu tư 95% vốn điều lệ (950.000 cổ phần với giá mua 40.850 tr.đ) vào Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà Địa Lợi, trong đó có thỏa thuận Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà Địa Lợi phải hoàn tất thủ tục pháp lý về quyền thực hiện Dự án chung cư Thanh Đa RIVERVIEW trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận thanh toán đợt 1. Công ty đã chuyển tiền theo thỏa thuận ngày 31/1/2008, nhưng đến 25/10/2011 Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà Địa Lợi chưa hoàn thành thủ tục pháp lý về chủ quyền của Công ty đối với dự án là chậm so với thỏa thuận.

- Quản lý tài sản cố định: Đã thực hiện mở sổ theo dõi TSCĐ, kiểm kê vào cuối năm và trích khấu hao theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Tuy nhiên, một số đơn vị còn tồn tại:

+ Chưa đăng ký phương pháp trích khấu hao với cơ quan thuế theo quy định tại Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính (Công ty mẹ; Công ty Cổ phần Waseco; Công ty Cổ phần Viwaseen 1; Công ty Cổ phần Viwaseen 2; Công ty Cổ phần Viwaseen 6; Công ty Cổ phần Viwaseen 12);

Đánh giá qua chỉ tiêu: Cơ cấu tài sản cố định trên Tổng tài sản là: 28,7% (683.276 tr.đ/2.394.129 tr.đ) cơ bản là phù hợp. Tuy nhiên, còn một số đơn vị cơ cấu này thấp (Công ty Cổ phần Viwaseen 1 là 1,6%; Công ty Cổ phần Viwaseen 2 là 1,75%; Công ty Cổ phần Viwaseen 3 là 1,9%; Công ty Cổ phần Viwaseen 12: 5,5%).

- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng cơ bản: Các đơn vị đã mở sổ kế toán chi tiết theo dõi các khoản chi phí đầu tư theo quy định.

Tuy nhiên, còn tồn tại: Dự án đầu tư Nhà máy nước Đình Vũ đã hoàn thành đi vào hoạt động, nhưng TCT chưa hoàn thành việc lập và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành theo quy định; Phân bổ chi phí hạ tầng khu đô thị

chưa đúng quy định.

- Quản lý tài sản khác: Các đơn vị đã mở sổ kế toán theo dõi chi tiết theo từng đối tượng.

Tuy nhiên, còn tồn tại: Phân bổ chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng cho sản xuất kinh doanh chưa đúng quy định (Công ty Cổ phần Viwaseen 2; Công ty Cổ phần Viwaseen 3; Công ty Cổ phần Viwaseen 12).

b. Quản lý nguồn vốn

- Quản lý nợ phải trả: Đơn vị thực hiện mở sổ kế toán theo dõi các khoản nợ phải trả, các khoản vay vốn ngân hàng được đối chiếu vào cuối năm theo quy định; Một số đơn vị có tỷ lệ đối chiếu một số khoản nợ cao trên 80%: Người mua trả trước (Công ty mẹ 81%; Công ty Cổ phần Viwaseen 3 là 100%); Phải trả người bán (Công ty Cổ phần Viwaseen 3 là 99%); Phải trả, phải nộp khác (Công ty Cổ phần Waseco là 94%).

Tuy nhiên, một số đơn vị còn tồn tại:

- + Chưa chú trọng công tác đối chiếu công nợ, tỷ lệ đối chiếu một số khoản nợ phải trả còn thấp, dưới 50%: Người mua trả trước (Công ty Cổ phần Viwaseen 2 là 33,79%; Công ty Cổ phần Viwaseen 6 là 30,4%); Phải trả người bán (Công ty mẹ là 21%; Công ty cổ phần Viwaseen 2 là 0%; Công ty Cổ phần Viwaseen 6 là 22,2%; Công ty Cổ phần Viwaseen 12 là 44,4%); Phải trả phải nộp khác chưa đạt 50% (Công ty Mẹ là 0%; Công ty cổ phần Viwaseen 2 là 0%)

- + Các khoản vay, nợ dài hạn đến hạn trả chưa điều chỉnh sang chỉ tiêu vay nợ ngắn hạn theo quy định, số tiền: 10.000 tr.đ (Công ty Cổ phần Waseco).

- Quản lý vốn chủ sở hữu: Các đơn vị đã thực hiện mở sổ theo dõi, quản lý và sử dụng các nguồn vốn, quỹ theo chế độ của Nhà nước; Thực hiện trích lập và sử dụng các quỹ cơ bản theo chế độ quy định; Các cổ đông đã góp đủ vốn theo cam kết.

Đánh giá qua một số chỉ tiêu:

- Hệ số thanh toán hiện thời của TCT: Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả là: 1,45 (2.394.129 tr.đ/1.651.271 tr.đ) cho thấy khả năng thanh toán hiện hành của TCT tại thời điểm 31/12/2010 đảm bảo.

- Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn của TCT: Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn là: 1,18 (1.581.199 tr.đ/1.333.175 tr.đ) cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của TCT tại thời điểm 31/12/2010 đảm bảo.

- Chỉ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (Vốn của TCT và cổ đông thiểu số) là: 2,22 lần (1.651.271 tr.đ/742.858 tr.đ) chưa vượt quá 3 lần. Tuy nhiên, có một số đơn vị có chỉ số nợ phải trả trên vốn điều lệ vượt quá 3 lần (Công ty Cổ phần Viwaseen 2 là 6,4 lần; Công ty Cổ phần Viwaseen 4 là 5,76 lần; Công ty Cổ phần Viwaseen 12 là 3,75 lần).

- Nợ vay ngân hàng và các tổ chức cá nhân/Vốn chủ sở hữu của toàn TCT (Vốn của TCT và cổ đông thiểu số) là: 0,9 lần (675.905 tr.đ/742.858 tr.đ), cho thấy số nợ vay ngân hàng bằng 0,9 lần vốn chủ sở hữu.

- Hệ số vốn tự có của TCT: Vốn chủ sở hữu (Vốn của TCT và cổ đông thiểu số) trên Tổng nguồn vốn là: 0,31 (742.858 tr.đ/2.394.129 tr.đ) cho thấy Vốn chủ sở hữu chiếm 31% Tổng nguồn vốn hoạt động SXKD của đơn vị.

1.2. Quản lý doanh thu, thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh

a. Quản lý doanh thu, thu nhập

TCT và các đơn vị được kiểm toán quản lý doanh thu, thu nhập cơ bản theo quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam tại Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN và các văn bản khác có liên quan.

Tuy nhiên, còn tồn tại: Một số đơn vị hạch toán thiếu doanh thu một số công trình với giá trị là: 24.309 tr.đ (Công ty mẹ; Công ty Cổ phần Waseco; Công ty Cổ phần Viwaseen 2; Công ty Cổ phần Viwaseen 12);

b. Quản lý, tính giá thành, chi phí SXKD

TCT và các đơn vị chủ yếu quản lý theo cơ chế giao khoán nội bộ để nâng cao trách nhiệm của các cán bộ trực tiếp quản lý dự án. Tuy nhiên, còn có một số công trình điều hành theo cơ chế giao nhiệm vụ, cùng với việc quản lý của TCT đối với các hoạt động chi nhánh còn chưa sát sao và chưa gắn được trách nhiệm của người đứng đầu chi nhánh nên nhiều chi nhánh hoạt động không có hiệu quả.

- Quản lý chi phí vật tư: Các đơn vị mua vật tư cơ bản có đầy đủ hóa đơn, chứng từ giao nhận cho người sử dụng theo quy định.

Tuy nhiên, còn tồn tại:

+ Còn có đơn vị mua vật tư chưa có hóa đơn tài chính theo quy định (Công ty Cổ phần Viwaseen 2);

+ Đơn vị hoàn chứng từ theo giá trị khoán, chưa thực hiện quản lý và quyết toán định mức vật tư đã sử dụng theo quy định tại Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính (Công ty Cổ phần Viwaseen 3; Công ty Cổ phần Vasco).

- Quản lý chi phí máy: Các đơn vị đã thực hiện trích và phân bổ khấu hao theo quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính; Các thiết bị thuê ngoài có hợp đồng, thanh lý hợp đồng và xuất hoá đơn theo quy định.

- Quản lý chi phí tiền lương và các khoản theo lương: Các đơn vị đã xây dựng được Quy chế tiền lương, kế hoạch sản xuất, đơn giá tiền lương; Trích quỹ lương theo đơn giá đã được phê duyệt; Chi trả tiền lương có đầy đủ bảng chấm công, bảng tính lương theo quy định; Mức chi trả cơ bản hợp lý, phù hợp với kết

quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; Đến hết thời điểm nộp báo cáo quyết toán các đơn vị đã chi trả hết số dư tiền lương phải trả cuối năm.

- Quản lý chi phí thuê ngoài: Các khoản chi phí khoán cho nhà thầu phụ có hợp đồng, thanh lý hợp đồng và cơ bản có hóa đơn chứng từ theo quy định.

Tuy nhiên, một số đơn vị còn tồn tại:

- + Hoàn chứng từ của một số đội và nhà thầu phụ còn chậm dẫn đến đơn vị phải trích trước các khoản chi phí theo mức khoán cho các đội và nhà thầu phụ để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ (Công ty mẹ; Công ty Cổ phần Waseco;...)

- + Công tác quản lý giao cho thầu phụ (các chi nhánh và các công ty con) chưa chặt chẽ: Một số công trình chỉ có giấy giao nhiệm vụ chưa có hợp đồng kinh tế, quyết toán chi phí nội bộ và phân khai khối lượng cho các chi nhánh và các nhà thầu phụ trong khối lượng đã được chủ đầu tư nghiệm thu thanh quyết toán còn chậm (Công ty mẹ).

- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp: Các khoản chi tại các đơn vị có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định.

- Việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm: Các đơn vị đã mở sổ theo dõi chi phí theo từng công trình xác định giá vốn các công trình cơ bản theo quy định.

Tuy nhiên, tại một số đơn vị còn tồn tại: Kết chuyển giá vốn hàng bán một số công trình chưa đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa chi phí với doanh thu trong kỳ: Hạch toán quá giá vốn 2.082 tr.đ (Công ty Cổ phần Waseco; Công ty Cổ phần Viwaseen 3); Để lại chi phí dở dang các công trình để lại không hợp lý: 2.989 tr.đ (Công ty Mẹ).

c. Về kết quả kinh doanh: Do việc xác định doanh thu và chi phí tại một số đơn vị còn sai sót nên kết quả kinh doanh của TCT còn chưa chính xác.

1.3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với NSNN

Đến thời điểm 31/12/2010: Tổng số thuế và các khoản còn phải nộp của đơn vị theo báo cáo là 36.429.758.284đ, số kiểm toán xác định 39.468.188.709đ, số thuế phải nộp tăng 3.038.430.425đ; Từ thời điểm 31/12/2010 đến thời điểm kiểm toán đơn vị nộp thêm được: 16.348.784.380đ; Số còn phải nộp đến thời điểm kiểm toán: 23.119.404.329đ (Trong đó: Số kiểm toán phát hiện: tăng: 3.020.031.303đ, giảm: 3.726.147đ; Điều chỉnh theo số cơ quan thuế: 22.125.268đ).

Đánh giá việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN: Qua kiểm toán cho thấy đa số các đơn vị đã có cố gắng thực hiện kê khai và nộp các khoản thuế cơ bản kịp thời.

Tuy nhiên, tại một số đơn vị còn tồn tại: Hạch toán doanh thu chưa chính xác nên tính thiếu thuế GTGT đầu ra, khấu trừ thuế GTGT còn có một số sai sót dẫn đến việc xác định số thuế GTGT phải nộp chưa chính xác 2.719 tr.đ; Xác định doanh thu, chi phí còn có sai sót dẫn đến việc xác định số thuế TNDN còn sai lệch: 296

tr.đ; Tính còn thiếu thuế thu nhập cá nhân: 16 tr.đ.

2. Về tính kinh tế, tính hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng tài sản, vốn nhà nước

Hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT năm 2010 so với năm 2009 bị giảm sút: Tổng doanh thu năm 2010 so với năm 2009 bằng 0,99% (1.586.939 tr.đ/1.589.300 tr.đ); Kết quả kinh doanh có lãi 47.238 tr.đ, so với năm 2009 bằng 71,7% (47.238 tr.đ/65.843 tr.đ).

Một số chỉ tiêu đánh giá

+ Chỉ số Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (Vốn của TCT và cổ đông thiểu số) là: 6,3% (47.238 tr.đ/742.859 tr.đ);

+ Chỉ số Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản là: 1,9% (47.238 tr.đ/2.394.129 tr.đ);

+ Chỉ số bảo toàn vốn:

$$2.394.129 \text{ tr.đ} - 1.651.271 \text{ tr.đ}$$

$$H = \frac{513.150 \text{ tr.đ} + 7.785 \text{ tr.đ} + 97 \text{ tr.đ} + 152.917 \text{ tr.đ}}{2.394.129 \text{ tr.đ} - 1.651.271 \text{ tr.đ}} = 1,12$$

Tỷ số $H > 1$ cho thấy TCT bảo toàn được vốn kinh doanh; Các đơn vị được kiểm toán đều có chỉ số > 1 . Tuy nhiên, còn có 3 đơn vị (các đơn vị không được kiểm toán: Công ty Cổ phần Viwaseen 4; Công ty Cổ phần Viwaseen 15; Công ty Cổ phần Viwamex) có chỉ số bảo toàn < 1 .

3. Việc chấp hành Luật, chế độ kế toán của Nhà nước

- Tổ chức bộ máy kế toán: Các đơn vị có thành lập phòng tài chính kế toán có: Kế toán trưởng, phó Kế toán trưởng và các kế toán viên được phân công làm các phần việc kế toán theo quy định; Các kế toán đều có trình độ đại học nên cơ bản đáp ứng được yêu cầu quản lý của đơn vị.

- Tổ chức công tác kế toán: Các đơn vị tổ chức công tác kế toán cơ bản phù hợp với mô hình quản lý tại đơn vị: áp dụng theo hình thức nhật ký chung, ghi sổ, lập báo cáo kế toán trên máy vi tính.

- Chứng từ kế toán: Các đơn vị lập chứng từ, sắp xếp, lưu trữ chứng từ kế toán cơ bản theo quy định.

Tuy nhiên, một số đơn vị còn tồn tại: Chứng từ tập hợp còn chậm dẫn đến phải trích trước chi phí (Công ty mẹ; Công ty Cổ phần Waseco);

- Hạch toán kế toán: Các đơn vị đã thực hiện hạch toán kế toán cơ bản theo hướng dẫn của chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuy nhiên, còn tồn tại: Hạch toán doanh thu, chi phí chưa chính xác ở tất cả các đơn vị được kiểm toán.

- Sổ kế toán: thực hiện mở đầy đủ sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, ghi chép các nghiệp vụ phát sinh, cuối năm thực hiện in sổ kế toán và lưu trữ cơ bản theo quy định.

Tuy nhiên, có đơn vị còn tồn tại:

+ Mở sổ kế toán theo dõi công nợ, chi phí theo đội thi công mà chưa theo dõi tượng phải thu, phải trả dẫn đến khó khăn cho công tác đối chiếu, rà soát

trên sổ kế toán.(Công ty Cổ phần Viwaseen 2; Công ty Cổ phần Viwaseen 1);

+ Mở thiếu một số sổ chi tiết TK loại 6; TK 154, 152 (Công ty Cổ phần Viwaseen 1).

- Báo cáo tài chính: Đã được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 23/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Tuy nhiên, còn tồn tại:

+ TCT lập báo cáo tài chính hợp nhất còn chưa bù trừ hết doanh thu, giá vốn nội bộ giữa Công ty mẹ và các công ty con trong TCT: 166.774 tr.đ;

+ Một số đơn vị lập Báo cáo tài chính riêng còn có sai sót, chưa bù trừ doanh thu, giá vốn nội bộ trong các đơn vị phụ thuộc: 84.428 tr.đ (Công ty Cổ phần Waseco; Công ty Cổ phần Viwaseen 12);

+ Thuyết minh báo cáo còn thiếu một số chỉ tiêu (Công ty Cổ phần Viwaseen 3).

- Việc chỉ đạo, kiểm tra công tác kế toán: Báo cáo tài chính năm 2010 của TCT và các đơn vị đã được các Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán.

4. Tình hình cổ phần hóa doanh nghiệp; Quản lý, sử dụng quỹ cổ phần hoá và việc tăng giảm vốn sau cổ phần hóa và hiệu quả hoạt động kinh doanh sau cổ phần hóa

- Tình hình cổ phần hóa: Đến thời điểm 31/12/2010, TCT đã hoàn thành cổ phần hóa các đơn vị thành viên: Chuyển 11 đơn vị (02 công ty và 09 bộ phận phụ thuộc) sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần có vốn của TCT chiếm trên 51% vốn điều lệ và đã bàn giao xong giá trị phần vốn nhà nước; Thành lập mới 01 công ty cổ phần có vốn TCT chiếm 51% vốn điều lệ và góp vốn vào 08 công ty liên kết có vốn của TCT <51% vốn điều lệ. Trong quá trình thực hiện, TCT đã cơ bản chấp hành đúng trình tự cổ phần hoá theo hướng dẫn tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 26/11/2004 và Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/06/2007 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi bổ sung. Hiện nay, đơn vị đang tiếp tục triển khai cổ phần hóa Công ty mẹ theo Quyết định số 492/HUD-HĐTV ngày 30/6/2011 của Hội đồng thành viên Tập đoàn HUD về việc thực hiện cổ phần hóa Tổng công ty Viwaseen; Theo Công văn 903/TTg-ĐMDN ngày 07/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận Kế hoạch cổ phần hóa các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn HUD; Kế hoạch cổ phần hóa Công ty mẹ đăng ký với Tập đoàn xác định giá trị doanh nghiệp vào thời điểm tháng 01/10/2011 và đến nay đã hoàn thành xong công tác kiểm toán Báo cáo tài chính Quý III năm 2011 và đang làm các thủ tục tiếp theo xác định giá trị doanh nghiệp.

- Quản lý, sử dụng quỹ cổ phần hoá: Số tiền thu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của TCT từ cổ phần hóa các công ty thành viên là: 108.987,8 tr.đ, cổ tức được chia năm 2008 do đầu tư bằng nguồn vốn cổ phần hóa vào Công ty Cổ phần Waseco là: 838,572 tr.đ. Đến thời điểm kiểm toán các đơn vị nộp đầy đủ về quỹ cổ phần hóa TCT và đơn vị đã sử dụng bổ sung tăng nguồn vốn điều lệ và được phê duyệt theo Quyết định số 151/HUD-HĐTV ngày 30/6/2010.

- Việc tăng giảm vốn và hiệu quả hoạt động kinh doanh sau cổ phần hóa: Từ khi cổ phần hóa đến 31/12/2010 có 6/11 công ty con thuộc TCT đã thực hiện tăng vốn điều lệ, hình thức tăng vốn là phát hành cho cổ đông hiện hữu, đảm bảo quyền chi phối về vốn của TCT và theo đúng các quy định của Nhà nước. Hoạt động sản xuất kinh doanh của đa số các đơn vị sau cổ phần hóa đều có sự tăng trưởng và kết quả kinh doanh có lãi.

Tuy nhiên, còn tồn tại: Còn 04 đơn vị có một số năm kinh doanh bị lỗ (Công ty Cổ phần Viwaseen 4; Công ty Cổ phần Viwaseen 15; Công ty Cổ phần Viwamex; Công ty Cổ phần Địa Lợi).

5. Đánh giá tính kinh tế, hiệu quả hoạt động đầu tư góp vốn, liên doanh, liên kết

Đến thời điểm 31/12/2010, Công ty mẹ và 6 đơn vị được kiểm toán đã đầu tư tài chính là 279.449 tr.đ; Đầu tư vào công ty liên kết 72.570 tr.đ; Đầu tư dài hạn khác là: 9.649,457đ. Qua kiểm toán tại các đơn vị cho thấy:

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước: TCT cơ bản chấp hành các quy định của nhà nước, không đầu tư vào các quỹ tài chính, hay công ty chứng khoán chứa đựng nhiều rủi ro.

Tuy nhiên, còn tồn tại: Đầu tư một số khoản không thuộc lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của TCT: 57.255 tr.đ (Công ty cổ phần đầu tư và phát triển dịch vụ dầu khí: 7.500 tr.đ; Công ty cổ phần BOT cầu Đồng Nai: 4.000 tr.đ; Công ty Cổ phần siêu thị Vinaconex: 200 tr.đ; Công ty Cổ phần dịch vụ kỹ thuật TSC: 1.300 tr.đ; Công ty Cổ phần thủy điện Viwaseen Tây Bắc: 36.000 tr.đ), chiếm 11,5% vốn chủ sở hữu.

- Về hiệu quả của việc đầu tư:

+ Các khoản đầu tư vào các công ty con đa số các khoản đầu tư có hiệu quả: Tổng số cổ tức dự kiến được chia từ kết quả kinh doanh năm 2010 từ các công ty con đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh: 18.619 tr.đ, tỷ suất lợi nhuận bình quân trên tổng vốn đầu tư đạt: 11,9% (18.619 tr.đ/156.379 tr.đ), trong đó có 10/14 công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi.

Tuy nhiên, còn tồn tại: Đầu tư vào 3/14 công ty không có lãi (Công ty Cổ phần Viwaseen 4; Công ty Cổ phần Viwaseen 15; Công ty Cổ phần Viwamex; Công ty Cổ phần địa lợi).

+ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Tổng số các khoản đầu tư là 72.570 tr.đ, trong đó: Đầu tư vào các công ty đã đi vào hoạt động là 36.570 chiếm 50,3% (36.570 tr.đ/72.570 tr.đ) đa số có hiệu quả, lợi nhuận dự kiến được chia từ kết quả năm 2010 là 7.107 tr.đ, tỷ suất lợi nhuận bình quân trên vốn đầu tư đạt 19,4% (7.107 tr.đ/36.570 tr.đ), trong đó có 5/7 đơn vị có lợi nhuận, 2/7 đơn vị chưa có lãi.

Tuy nhiên, còn tồn tại: Các khoản đầu tư liên kết vào công ty chưa đi vào hoạt động chiếm 49,6% (36.000 tr.đ/72.570 tr.đ) chưa đem lại hiệu quả.

+ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác: Tổng số các khoản đầu tư là 4.649 tr.đ nhưng hiệu quả chưa cao: Lợi nhuận dự kiến được chia vào năm 2011 là 270 tr.đ, đạt

tỷ suất lợi nhuận là 2,8% (270 tr.đ/4.649 tr.đ) và trong số 11 đơn vị được đầu tư chỉ có 4/11 đơn vị là có lợi nhuận cho thấy hiệu quả các khoản đầu tư khác là chưa cao.

6. Tình hình quản lý và sử dụng đất đai

Tổng số diện tích đất được giao cho Công ty mẹ và 6 công ty con được kiểm toán: 167.049 m², trong đó đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 84.231,3 m²; Diện tích đã có quyết định cho thuê đất: 82.007,7 m²; Diện tích đất được giao quản lý (Chưa được cấp giấy chứng nhận sử dụng đất hay ký hợp đồng thuê đất): 810 m².

Qua kiểm tra cho thấy, đơn vị đã sử dụng đất được giao cho các đơn vị đúng mục đích quy định.

Tuy nhiên, còn tồn tại:

- Diện tích đất giao cho Công ty Cổ phần Viwaseen 12 sử dụng chưa hiệu quả, còn để trống lớn chưa có phương án sử dụng.

- Một số dự án triển khai tiến độ còn chậm:

- + Dự án xây dựng tổ hợp chung cư văn phòng kết hợp với căn hộ cho thuê tại Hạ Đình - Thanh Xuân chậm so với Kế hoạch đã đăng ký với UBND Thành phố Hà Nội phải khởi công trong quý 4 năm 2010, nhưng do nằm trong đối tượng phải rà soát lại quy hoạch năm 2008 nên đến đến năm 2010 mới đang tiếp tục triển khai các bước tiếp theo.

- + Dự án xây dựng tổ hợp nhà để bán kết hợp văn phòng giao dịch thương mại tại xã Trung Văn - Từ Liêm theo kế hoạch khởi công vào Quý I/2009 nhưng đến nay chưa khởi công do chưa hoàn thành nộp tiền sử dụng đất nên chưa có giấy phép xây dựng.

- Tình hình nộp tiền sử dụng đất: Đến thời điểm 30/11/2011, các dự án của TCT chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất cho nhà nước. Nguyên nhân do: Dự án xây dựng tổ hợp nhà để bán kết hợp văn phòng giao dịch thương mại tại xã Trung Văn - Từ Liêm: TCT đang cùng với các đơn vị tính toán, thẩm định lại phương án nộp tiền sử dụng đất tại Dự án xây dựng tổ hợp nhà để bán kết hợp văn phòng giao dịch thương mại tại xã Trung Văn - Từ Liêm nhưng việc tính các chi phí trong phương án giá còn có nhiều vướng mắc nên chưa trình được Liên ngành thành phố xác định tiền sử dụng đất phải nộp; Các dự án còn lại mới bắt đầu tiến hành các thủ tục triển khai dự án.

7. Đánh giá tình hình thực hiện các giải pháp của Chính phủ

- Thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 06/04/2010, Nghị quyết số 10/2008/NQ-CP ngày 17/04/2008 của Chính phủ và Quyết định số 390/QĐ-TTg ngày 17/04/2008 của Thủ tướng Chính phủ: TCT đã triển khai quán triệt thực hiện các giải pháp về tiết kiệm chi phí sản xuất và rà soát các dự án đầu tư; Các đơn vị đã Ban hành Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và triển khai các kế hoạch thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí tại đơn vị.

- Công tác vay vốn hỗ trợ lãi suất: Trong năm 2010, có 1/7 đơn vị được kiểm toán đã được các ngân hàng thương mại hỗ trợ lãi suất theo Quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 04/04/2009 số tiền là: 510,9 tr.đ (Công ty mẹ) đảm bảo theo quy định (Chi tiết Phụ biểu số 05/BCKT-DNN).

- Đối với chính sách miễn, giảm, giãn thuế: Năm 2010, chỉ có 1/7 đơn vị được ưu đãi giảm 50% thuế TNDN theo Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính Phủ: 555,713 tr.đ (Công ty Cổ phần Viwaseen3); 1/7 đơn vị được gia hạn nộp thuế đến 30/6/2011 theo hướng dẫn tại Thông tư số 39/2010/TT-BTC ngày 22/03/2010 của Bộ Tài chính số tiền: 314,955 tr.đ (Công ty Cổ phần Viwaseen3) và thực hiện theo đúng quy định.

Việc hỗ trợ lãi suất và miễn giảm thuế đã tạo điều kiện cho các đơn vị giảm chi phí, hạ giá thành, nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh, phát triển các hoạt động SXKD, tạo thêm việc làm cho người lao động.

8. Đánh giá tình hình thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí

TCT và các đơn vị của TCT đã có nhiều cố gắng thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng và Luật thực hành tiết kiệm: Đa số các đơn vị đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, thực hành chống lãng phí theo, Quy chế tổ chức hoạt động Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí; Ban hành Chương trình công tác về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Tuy nhiên, một số đơn vị còn tồn tại: Chưa thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng (Công ty Cổ phần Waseco).

PHẦN THỨ HAI KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

1. Về tính đúng đắn, trung thực của Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2010 của TCT lập cơ bản phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp theo chế độ tài chính - kế toán hiện hành. Tuy nhiên, qua kết quả kiểm toán còn phát hiện một số sai lệch về tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh, nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước đã được nêu cụ thể từ trang 2 đến trang 7 trong Phần thứ nhất kết quả kiểm toán và được chấp nhận từng phần theo nội dung của Báo cáo kiểm toán.

2. Về tính tuân thủ pháp luật; Chế độ tài chính kế toán; Nội quy, quy chế mà đơn vị được kiểm toán phải thực hiện

2.1. Quản lý tài sản và nguồn vốn

Những việc đã làm được: Các đơn vị được kiểm toán cơ bản chấp hành theo Luật Doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp Nhà nước, Luật Kế toán, các văn bản pháp luật của Nhà nước có liên quan; Đã xây dựng Quy chế tài chính, Quy chế trả lương

làm cơ sở cho quản lý điều hành kinh doanh; Mở sổ kế toán, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tài sản nguồn vốn; Kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, xác định số dư tiền mặt tại các kho quỹ; Trích quỹ lương nhân viên đã được phê duyệt; Chi trả tiền lương đúng quy định phù hợp với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; Chi số thanh toán hiện hành và Chi số thanh toán ngắn hạn ngày 31/12/2010 của TCT đảm bảo.

Những mặt còn tồn tại:

- Quản lý các khoản phải thu: Còn để khách hàng chiếm dụng vốn lớn: Phải thu khách hàng trên doanh thu của TCT là 33,8%, Hệ số vốn bị chiếm dụng vốn của TCT là 29,7%, trong đó cá biệt có 1 đơn vị có Hệ số vốn bị chiếm dụng là 68,7%. Tại 7 đơn vị được kiểm toán, đối chiếu một số khoản nợ phải thu thấp, chưa đạt 50%: Nợ phải thu khách hàng (1/7 đơn vị), Các khoản phải thu khác (2/7 đơn vị), Trả trước người bán (1/7 đơn vị); Tổng số nợ phải thu quá hạn trên 2 năm là 29.344 tr.đ, quá hạn trên 3 năm là 60.860 tr.đ; Trích dự phòng nợ khó đòi chưa đầy đủ, kiểm toán đề nghị trích bổ sung: 4.507 tr.đ (4/7 đơn vị); Các khoản nợ quá hạn trên 3 năm không được đối chiếu của 7 đơn vị là 56.370 tr.đ nhưng chưa được xử lý theo quy định;

- Quản lý hàng tồn kho: Chưa thực hiện kiểm kê khối lượng dở dang một số công trình (4/7 đơn vị); Kiểm kê khối lượng dở dang một số công trình còn chưa chính xác, chưa phù hợp với thực tế đã thi công tại công trình (1/7 đơn vị).

- Quản lý tài sản ngắn hạn khác: Một số đơn vị có tỷ lệ khoản tạm ứng được đối chiếu thấp dưới 50% (5/7 đơn vị); Chưa thu hồi, hoàn ứng kịp thời, trong đó số tạm ứng đã trên 2 năm là: 14.474 tr.đ. (5/7 đơn vị).

- Quản lý các khoản đầu tư tài chính: Còn một số khoản đầu tư tài chính ngoài ngành sản xuất kinh doanh chính với giá trị là: 58.555 tr.đ (1/7 đơn vị); Đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà Địa Lợi, nhưng đến tháng 11/2011 Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà Địa Lợi vẫn chưa hoàn thành theo thỏa thuận hoàn tất thủ tục pháp lý về quyền thực hiện Dự án chung cư Thanh Đa RIVERVIEW trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận thanh toán đợt 1.

- Quản lý tài sản cố định: Một số đơn vị chưa đăng ký phương pháp trích khấu hao với cơ quan thuế theo quy định tại Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính (6/7 đơn vị); Cơ cấu tài sản cố định trên Tổng tài sản thấp dưới 5% (4/7 đơn vị).

- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng cơ bản: Dự án đầu tư Nhà máy nước Đình Vũ đã hoàn thành đi vào hoạt động, nhưng TCT chưa quyết toán kịp thời vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành theo quy định.

- Quản lý tài sản khác: Phân bổ chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng cho sản xuất kinh doanh chưa đúng quy định (3/7 đơn vị).

- Quản lý nợ phải trả: Chưa chú trọng công tác đối chiếu công nợ, tỷ lệ đối chiếu nợ một số khoản nợ còn thấp dưới 50%: Người mua trả trước (2/7 đơn vị);

Phải trả người bán (4/7 đơn vị); Phải trả phải nộp khác chưa đạt 50% (2/7 đơn vị); Các khoản vay, nợ dài hạn đến hạn trả năm sau chưa điều chỉnh sang chỉ tiêu vay nợ ngắn hạn theo quy định, số tiền: 10.000 tr.đ (1/7 đơn vị).

- Quản lý vốn chủ sở hữu: Có 3/7 đơn vị có chỉ số nợ phải trả trên vốn điều lệ vượt quá 3 lần; 1/7 đơn vị hạch toán tăng Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu đối với giá trị được phân phối phân phối cho phần nguồn vốn đầu tư của Nhà nước.

2.2. Quản lý doanh thu, thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh

Những việc đã làm được: Đơn vị quản lý doanh thu, thu nhập, chi phí cơ bản theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC và các chuẩn mực kế toán Việt Nam tại Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước về quản lý tài chính.

Những mặt còn tồn tại:

- Quản lý doanh thu: Có 4/7 đơn vị hạch toán thiếu doanh thu một số công trình với giá trị là: 24.309 tr.đ.

- Quản lý chi phí và tính giá thành: Còn có 1/7 đơn vị mua vật tư chưa có đủ hóa đơn theo quy định; 2/7 đơn vị chưa thực hiện quản lý và quyết toán định mức vật tư đã sử dụng theo quy định; 2/7 đơn vị tập hợp chứng từ còn chậm dẫn đến đơn vị phải trích trước các khoản chi phí; TCT giao thầu một số công trình cho các chi nhánh và các công ty con chưa có hợp đồng kinh tế, quyết toán chi phí nội bộ và phân khai khối lượng cho các chi nhánh và các nhà thầu phụ còn chậm; 3/7 đơn vị kết chuyển giá vốn hàng bán một số công trình chưa đảm bảo nguyên tắc phù hợp; Xác định kết quả kinh doanh còn chưa chính xác.

2.3. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

Những việc đã làm được: Các đơn vị đã có cố gắng, thực hiện kê khai và nộp các khoản thuế cơ bản kịp thời.

Những mặt còn tồn tại: Tính thuế GTGT đầu ra, thuế TNDN, khấu trừ thuế GTGT đầu vào, tính thuế thu nhập cá nhân còn có sai sót nên xác định nghĩa vụ thuế phải nộp còn chưa chính xác: Số thuế phải nộp do Kiểm toán nhà nước phát hiện tăng thêm là 3.020.031.304đ.

2.4. Việc chấp hành Luật, chế độ kế toán của Nhà nước

Những việc đã làm được: Đơn vị cơ bản chấp hành theo Luật Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

Những mặt còn tồn tại:

- Về chứng từ kế toán: Còn có 2/7 đơn vị tập hợp chứng từ còn chậm dẫn đến phải trích trước chi phí;

- Hạch toán doanh thu, chi phí chưa chính xác ở tất cả các đơn vị được kiểm toán.

- Sổ kế toán: 2/7 đơn vị mở sổ kế toán theo dõi công nợ theo dõi thi công mà chưa theo dõi tượng phải thu, phải trả; 1/7 đơn vị mở thiếu một số sổ chi tiết.

- Báo cáo tài chính: TCT lập báo cáo tài chính hợp nhất còn chưa bù trừ hết doanh thu, giá vốn nội bộ giữa Công ty mẹ và các công ty con: 166.774 tr.đ; 2/7 đơn vị lập Báo cáo tài chính riêng còn chưa bù trừ doanh thu, giá vốn nội bộ trong các đơn vị phụ thuộc: 84.428 tr.đ; 1/7 đơn vị Thuyết minh báo cáo còn thiếu một số chỉ tiêu.

2.5. Tình hình cổ phần hóa; Quản lý, sử dụng quỹ cổ phần hoá

Những việc đã làm được: TCT đã hoàn thành cổ phần hóa các đơn vị thành viên, các đơn vị đã nộp đầy đủ các khoản phải thu về cổ phần hóa về Quỹ cổ phần hóa TCT cơ bản theo hướng dẫn tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 26/11/2004 và Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/06/2007 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi bổ sung; Có 6/11 công ty con đã thực hiện tăng vốn điều lệ theo đúng các quy định của Nhà nước; Hoạt động sản xuất kinh doanh của đa số các đơn vị sau cổ phần hóa đều có sự tăng trưởng và kết quả kinh doanh có lãi.

Những mặt còn tồn tại: Còn 04 đơn vị (thuộc các đơn vị không kiểm toán) có một số năm kinh doanh bị lỗ.

2.6. Về tình hình quản lý và sử dụng đất đai

Những việc đã làm được: Tổng số diện tích đất được giao cho Công ty mẹ và 6 công ty con được kiểm toán: 167.049 m², trong đó đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 84.231,3 m²; Diện tích đã có quyết định cho thuê đất: 82.007,7 m²; Diện tích đất giao cho quản lý (chưa được cấp giấy chứng nhận sử dụng đất hay ký hợp đồng thuê đất): 810 m² và các đơn vị được giao đã sử dụng đất đúng mục đích quy định.

Những mặt còn tồn tại:

- Một số dự án triển khai tiến độ còn chậm: Dự án xây dựng tổ hợp chung cư văn phòng kết hợp với căn hộ cho thuê tại Hạ Đình - Thanh Xuân chậm trên 1 năm so với Kế hoạch đã đăng ký với UBND Thành phố Hà Nội; Dự án xây dựng tổ hợp nhà để bán kết hợp văn phòng giao dịch thương mại tại xã Trung Văn - Từ Liêm chậm gần 2 năm.

- Đến thời điểm 30/11/2011, các dự án của TCT chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất cho nhà nước. Nguyên nhân do: TCT đang cùng với các đơn vị tính toán, thẩm định lại phương án nộp tiền sử dụng đất tại Dự án xây dựng tổ hợp nhà để bán kết hợp văn phòng giao dịch thương mại tại xã Trung Văn - Từ Liêm nhưng việc tính các chi phí trong phương án giá còn có nhiều vướng mắc nên chưa trình được Liên ngành thành phố xác định tiền sử dụng đất phải nộp; Các dự án còn lại mới bắt đầu tiến hành các thủ tục triển khai dự án; Hàng năm đơn vị nộp tiền thuê đất đầy đủ và phân bổ cho các đơn vị trong tổng theo diện tích đất tạm giao quản lý.

2.7. Về tình hình thực hiện các giải pháp của Chính phủ

- Thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 06/04/2010; Nghị quyết số 10/2008/NQ-CP ngày 17/04/2008 và Quyết định số 390/QĐ-TTg ngày 17/04/2008 của Thủ tướng Chính phủ: TCT và đa số các đơn vị trực thuộc đã thành lập Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng, lãng phí, ban hành Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản quán triệt thực hiện các giải pháp về tiết kiệm chi phí; Rà soát điều chỉnh các khoản đầu tư; Không vi phạm các quy định về có đầu tư vào các quỹ tài chính, tín dụng, công ty chứng khoán.

- Công tác vay vốn hỗ trợ lãi suất: Trong năm 2010, có 1/7 đơn vị được kiểm toán đã được các ngân hàng thương mại hỗ trợ lãi suất theo Quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 04/04/2009 số tiền là: 510,9 tr.đ (Công ty mẹ) đảm bảo theo quy định.

- Đối với chính sách miễn, giảm, giãn thuế: Năm 2010, có 1/7 đơn vị được ưu đãi giảm 50% thuế TNDN theo Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính Phủ: 555,713 tr.đ; 1/7 đơn vị được gia hạn nộp thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 39/2010/TT-BTC ngày 22/03/2010 của Bộ Tài chính số tiền: 314,955 tr.đ.

Việc hỗ trợ lãi suất và miễn giảm thuế đã tạo điều kiện cho các đơn vị giảm chi phí, hạ giá thành, nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh, phát triển các hoạt động SXKD, tạo thêm việc làm cho người lao động.

2.8. Về tình hình thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong xây dựng

Những việc đã làm được: Đa số các đơn vị đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, thực hành chống lãng phí; Xây dựng Quy chế tổ chức hoạt động Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí; Ban hành Chương trình công tác về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Những việc còn tồn tại: Còn 1/7 đơn vị chưa thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng.

3. Về tính kinh tế, tính hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng tài sản, vốn Nhà nước

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT năm 2010 so với năm 2009 bị giảm sút: Tổng doanh thu năm 2010 so với năm 2009 là 0,99%; Kết quả kinh doanh có lãi trước thuế là 47.328 tr.đ, so với năm 2009 bằng 71,7%; Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (Vốn của TCT và cổ đông thiểu số) là: 6,3%.

- Các khoản đầu tư vào các công ty con: Có 10/14 công ty có lãi (Trong đó có 6/6 công ty được kiểm toán), với cổ tức dự kiến được chia từ kết quả kinh doanh năm 2010: 18.619 tr.đ, tỷ suất lợi nhuận bình quân trên tổng vốn đầu tư đạt: 11,9% ; Còn 3/14 công ty không có lãi.

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Đầu tư vào các đơn vị đã hoạt động đa số có hiệu quả, lợi nhuận dự kiến được chia từ kết quả năm 2010 là 7.107 tr.đ, tỷ suất

lợi nhuận bình quân trên vốn đầu tư đạt 19,4%, trong đó có 5/7 đơn vị có lợi nhuận, 2/7 đơn vị chưa có lãi; Các khoản đầu tư liên kết vào công ty chưa đi vào hoạt động chiếm chưa đem lại hiệu quả.

- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác: Lợi nhuận dự kiến được chia từ kết quả 2010 là 221 tr.đ, đạt tỷ suất lợi nhuận là 2,1% và trong số 11 đơn vị được đầu tư chỉ có 4/11 đơn vị là có lợi nhuận cho thấy hiệu quả các khoản đầu tư khác là chưa cao.

II. KIẾN NGHỊ

1. Đối với TCT Viwaseen: Qua kết quả kiểm toán trên đây, đề nghị Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc TCT chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và các công ty con thực hiện đầy đủ các nội dung sau:

1.1. Điều chỉnh số liệu kế toán theo kết quả kiểm toán tại phần thứ nhất của Báo cáo kiểm toán này và các báo cáo kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán.

1.2. Kiến nghị xử lý tài chính:

a. Nộp kịp thời các khoản nghĩa vụ còn phải nộp đến thời điểm kiểm toán vào NSNN:

- Thuế GTGT	13.213.050.749đ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.645.257.452đ
- Thuế thu nhập cá nhân	592.470.473đ
- Thuế tài nguyên	612.278đđ
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	426.526.443đ
- Thuế khác	244.745.583đ
- Các khoản phải thu khác	996.741.351đ

*** Trong đó, số KTNN phát hiện tăng thêm là: 3.020.031.303đ**

- Thuế GTGT	2.719.117.902đ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	278.142.543đ
- Thuế thu nhập cá nhân	22.158.580đ
- Thuế tài nguyên	612.278đ

(Chi tiết Phụ biểu số 04/BCKT-DNNN)

*** Giám các khoản phải thu nhà nước (KTNN phát hiện): 54.666.654đ**

1.2. Đề nghị các đơn vị chấn chỉnh công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính - kế toán, cụ thể:

a. Tăng cường công tác đối chiếu công nợ; Phân loại các khoản nợ, thường xuyên phân tích để kịp thời phát hiện các khoản nợ khó đòi, có biện pháp thu hồi và xử lý các khoản nợ khó đòi; Hoàn tất các thủ tục trích lập dự phòng và xử lý các khoản nợ khó đòi theo quy định; Đôn đốc các cá nhân hoàn ứng kịp thời các khoản tạm ứng.

b. Đăng ký phương pháp trích khấu hao với cơ quan thuế; Hạch toán doanh thu, chi phí phải đảm bảo nguyên tắc nhất quán, phù hợp; Phân khai kịp thời khối lượng thanh toán cho các thầu phụ.

c. Chỉ đạo các bộ phận quản lý các công trình phân khai kịp thời khối lượng do các chi nhánh và các công ty con đã thi công hoàn thành trong khối lượng quyết toán tính doanh thu các công trình do TCT làm tổng thầu; Chỉ đạo các đơn vị hoàn chứng từ kịp thời các khoản chi phí trích trước đang treo trên TK 335.

d. Thực hiện quyết toán định mức vật tư sử dụng cho các công trình theo quy định (Công ty Cổ phần Viwaseen 3; Công ty Cổ phần Vasco).

đ. Chỉ đạo BQLDA Đầu tư xây dựng Nhà máy nước Đình Vũ lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

e. Đôn đốc Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà Địa Lợi đẩy nhanh việc làm các thủ tục cần thiết để xác lập quyền sở hữu và triển khai Dự án ĐTXD chung cư Thanh Đa RIVERVIEW đảm bảo tiến độ, hiệu quả.

f. Công ty Cổ phần Viwaseen 1 mở đầy đủ sổ kế toán theo dõi tài khoản loại 6 và các tài khoản 152,154,... theo quy định.

g. Chấn chỉnh công tác kiểm kê khối lượng dở dang (Công ty Cổ phần Viwaseen 1; Công ty Cổ phần Viwaseen 2; Công ty Cổ phần Viwaseen 6; Công ty Cổ phần 12; Công ty Cổ phần Viwaseen 3).

1.3. Kiến nghị cải tiến, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ:

a. Các đơn vị rà soát lại các Quy chế quản lý tài chính đã ban hành, đặc biệt là hoàn thiện cơ chế quản lý chi phí tại các chi nhánh, quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu.

b. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng (Công ty Cổ phần Waseco).

c. Hoàn thiện cơ chế quản lý chi phí tại các chi nhánh, tăng cường kiểm soát các khoản chi phí, quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu.

d. Chỉ đạo các bộ phận đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đẩy nhanh công tác xác định tiền sử dụng đất phải nộp tại các dự án và nộp kịp thời vào NSNN theo quy định.

đ. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ công tác cổ phần hóa các đơn vị theo kế hoạch đã được Thủ tướng đã được phê duyệt.

Đề nghị TCT Viwaseen thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và tổng hợp các báo cáo thực hiện kiến nghị của các công ty thành viên để báo cáo Kiểm toán Nhà nước Chuyên ngành V theo địa chỉ: *Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành V, số 68 Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy - thành phố Hà Nội trước ngày 31/03/2012.*

Báo cáo kiểm toán này gồm 24 trang, từ trang 01 đến trang 24; Phụ biểu số 01/BCKT-DNNN; Phụ biểu số 02/BCKT-DNNN; Phụ biểu số 03/BCKT-DNNN; Phụ biểu số 04/BCKT-DNNN; Phụ biểu số: 05/BCKT-DNNN; Phụ biểu số: 06/BCKT-DNNN; Phụ biểu số: 07/BCKT-DNNN là bộ phận không tách rời của Báo cáo kiểm toán này./.

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TOÁN

TRƯỞNG ĐOÀN KTN



Ngô Minh Kiêm

Số thẻ KTVNN: B 0242 KTVC

Nguyễn Tuấn Anh

Số thẻ KTVNN: B 0083 KTVC

**TL. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN TRƯỞNG KTN CHUYÊN NGÀNH V**



Nguyễn Tuấn Anh

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 3.6.9... Quyển số SCT/BS

Ngày 14 tháng 01 năm 2014



ĐÓNG CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Châu Hà

GIẢI THÍCH NGUYÊN NHÂN CHÊNH LỆCH

Kèm theo Báo cáo Tài chính năm 2010 của Tổng công ty Viwaseen

A. Tài sản trong bảng cân đối

(1) Phải thu khách hàng	21.091.687.562đ
- Do tăng doanh thu và thuế GTGT các công trình	15.076.043.774đ
+ Công ty Mẹ	13.145.299.087đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 6	496.176.000đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	1.434.568.687đ
- Do lập báo cáo sai bù trừ chi tiết dư nợ, dư có chưa đúng	6.015.643.788đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	419.886.751đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 1	5.595.757.037đ
(2) Các khoản phải thu khác	49.162.308đ
* Tăng	388.921.308đ
- Điều chỉnh khoản phải thu nhà thầu phụ đang dư nợ tài khoản 335 (Công ty mẹ)	357.435.656đ
- Do lập báo cáo sai bù trừ chi tiết dư nợ, dư có chưa đúng (Công ty Cổ phần Viwaseen 1)	9.327.072đ
- Do đơn vị tính thiếu thuế thu nhập cá nhân	22.158.580đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	16.465.124đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 6	5.693.456đ
* Giảm	-339.759.000đ
- Điều chỉnh cho đúng tính chất tài khoản, khoản tạm ứng lương (Công ty Cổ phần Waseco)	-339.759.000đ
(3) Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-4.428.953.611đ
* Tăng	-4.507.357.816đ
- Trích dự phòng nợ khó đòi	-4.507.357.816đ
+ Công ty Mẹ	-4.268.025.679đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	-197.656.492đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 1	-31.000.645đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	-10.675.000đ
* Giảm	78.404.205đ
- Điều chỉnh trích lập dự phòng không đúng quy định theo Biên bản thanh tra thuế (Công ty Cổ phần Viwaseen 3)	78.404.205đ
(4) Hàng tồn kho	-8.721.559.516đ
* Tăng	1.088.775.250đ
- Hạch toán chi phí phải trả nhà thầu phụ (Công ty Cổ phần Viwaseen 12)	554.995.088đ
- Đơn vị kết chuyển chi phí không tương ứng với doanh thu (Công ty Cổ phần Viwaseen 3)	533.780.162đ

* Giảm	-9.810.334.766đ
- Kết chuyển chi phí tương ứng với tăng doanh thu	-5.607.482.030đ
+ Công ty Mẹ	-3.577.452.978đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	-1.685.970.552đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 6	-344.058.500đ
- Kết chuyển chi phí dở dang các công trình để lại không hợp lý	-4.202.852.736đ
+ Công ty Mẹ	-2.989.989.932đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	-1.212.862.804đ
(5) Thuế GTGT được khấu trừ	-4.413.307.858đ
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ của hóa đơn trên 20 tr.đ không thanh toán qua ngân hàng (Công ty Mẹ)	-116.781.434đ
- Do TCT tổng hợp lập báo cáo hợp nhất nhằm (Công ty Cổ phần Viwaseen 3)	-4.296.526.424đ
(6) Các khoản thuế phải thu	4.241.859.770đ
* Tăng	4.296.526.424đ
- Do tổng hợp lập báo cáo hợp nhất nhằm (Công ty Cổ phần Viwaseen 3)	4.296.526.424đ
* Giảm	-54.666.654đ
- Thuế GTGT không được khấu trừ của hóa đơn trên 20 tr.đ không thanh toán qua ngân hàng (Công ty Cổ phần Viwaseen 3)	-54.666.654đ
7. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	-945.808.375đ
* Tăng	1.567.429.225đ
- Đơn vị kết chuyển quá vào giá vốn hạ tầng Khu nhà liền kề Vũng Tàu (Công ty Cổ phần Waseco)	1.548.243.770đ
- Do kết chuyển lệ phí trước bạ ô tô (Công ty Cổ phần Viwaseen 6)	19.185.455đ
* Giảm	-2.513.237.600đ
- Điều chỉnh các khoản tiền thưởng phải chi bằng quỹ khen thưởng (Công ty Cổ phần Waseco)	-8.300.000đ
- Phân bổ chi phí lãi vay vào Dự án chung cư 93 Lê Lợi - Vũng tàu không đủ căn cứ (Công ty Cổ phần Waseco)	-2.504.937.600đ
(8) Chi phí trả trước dài hạn	80.353.426đ
* Tăng	136.510.545đ
- Điều chỉnh giảm phân bổ chi phí công cụ năm 2009 theo Biên bản thanh tra thuế (Công ty Cổ phần Viwaseen 3)	42.576.679đ
- Điều chỉnh giảm phân bổ chi phí công cụ năm 2010 theo Biên bản thanh tra thuế (Công ty Cổ phần Viwaseen 3)	93.933.866đ
* Giảm	-56.157.119đ
- Phân bổ bổ sung chi phí trả trước vào chi phí trong kỳ	-56.157.119đ

+ Công ty Cổ phần Viwaseen 2	-29.490.453đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	-26.666.666đ
(9) Vay nợ ngắn hạn	10.000.000.000đ
- Hạch toán nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2011 sang nợ ngắn hạn (Công ty Cổ phần Waseco)	10.000.000.000đ
(10) Phải trả người bán	-70.923.176đ
- Chi phí chưa có chứng từ hợp lệ (Công ty Cổ phần Viwaseen 2)	-70.923.176
(11) Người mua trả trước	-5.601.134.591đ
* Tăng	5.595.757.037đ
- Do lập báo cáo sai bù trừ chi tiết dư nợ, dư có chưa đúng (Công ty Cổ phần Viwaseen 1)	5.595.757.037đ
* Giảm	-11.196.891.628đ
- Do tăng doanh thu và thuế GTGT các công trình	-11.196.891.628đ
+ Công ty Mẹ	-9.340.944.700đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	-1.855.946.928đ
(12) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.038.430.425đ
- Thuế GTGT (chi tiết xem giải thích Mục thuế GTGT của Biểu thực hiện nghĩa vụ với NSNN)	2.719.117.902đ
- Thuế TNDN (chi tiết xem giải thích Mục thuế TNDN của Biểu thực hiện nghĩa vụ với NSNN)	296.541.665đ
- Thuế TNCN (chi tiết xem giải thích Mục thuế TNCN của Biểu thực hiện nghĩa vụ với NSNN)	534.662.443đ
- Thuế tài nguyên (chi tiết xem giải thích Mục thuế GTGT của Biểu thực hiện nghĩa vụ với NSNN)	612.278đ
- Các khoản phải nộp khác (chi tiết xem giải thích Mục các khoản phải nộp khác của Biểu thực hiện nghĩa vụ với NSNN)	-512.503.863đ
13. Phải trả người lao động	237.437.666đ
* Tăng	577.196.666đ
- Điều chỉnh khoản lương phải trả đang theo dõi trên TK 335 (Công ty Cổ phần Waseco)	577.196.666đ
* Giảm	-339.759.000đ
- Điều chỉnh khoản tạm ứng lương đang theo dõi trên TK 138 (Công ty Cổ phần Waseco)	-339.759.000đ
(14) Chi phí phải trả	15.550.299.779đ
* Tăng	17.153.684.127đ
- Trích chi phí phải trả tương ứng với tăng doanh thu	16.796.248.471đ
+ Công ty Mẹ	16.241.253.383đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	554.995.088đ

- Điều chỉnh khoản phải thu nhà thầu phụ đang dư nợ tài khoản 335 (Công ty Mẹ)	357.435.656đ
* Giảm	-1.603.384.348đ
- Hoàn nhập các khoản trích trước chưa chi	-1.026.187.682đ
+ Công ty Mẹ	-80.781.945đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	-945.405.737đ
- Điều chỉnh cho đúng tính chất tài khoản khoản lương tháng 12 sang TK 334 (Công ty Cổ phần Waseco)	-577.196.666đ
(15) Các khoản phải trả phải nộp khác	-63.957.535đ
* Tăng	9.327.072đ
- Do lập báo cáo sai bù trừ chi tiết dư nợ, dư có chưa đúng (Công ty Cổ phần Viwaseen 1)	9.327.072đ
* Giảm	-73.284.607đ
- Kết chuyển khoản nợ phải trả không có đối tượng trả vào thu nhập khác (Công ty Cổ phần Viwaseen 1)	-73.284.607đ
(16) Vay nợ dài hạn	-10.000.000.000đ
- Hạch toán nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2011 sang nợ ngắn hạn (Công ty Cổ phần Waseco)	-10.000.000.000đ
(17) Quỹ khen thưởng phúc lợi	-515.925.757đ
* Tăng	-142.205.350đ
- Điều chỉnh các khoản tiền thưởng phải chi bằng quỹ khen thưởng phúc lợi đơn vị hạch toán vào chi phí (Công ty Cổ phần Waseco)	-142.205.350đ
* Giảm	-373.720.407đ
- Hủy bút toán phân phối lợi nhuận do xác định lại kết quả kinh doanh (Công ty Mẹ)	-373.720.407đ
(18) Nguồn vốn đầu tư chủ sở hữu	5.967.615.101đ
- Phân phối lại lợi nhuận sau khi xác định lại kết quả kinh doanh (Công ty mẹ)	5.967.615.101đ
(19) Quỹ đầu tư phát triển	-6.231.430.823đ
- Phân phối lại lợi nhuận sau khi xác định lại kết quả kinh doanh (Công ty mẹ)	-6.231.430.823đ
(20) Quỹ dự phòng tài chính	-67.837.348đ
- Phân phối lại lợi nhuận sau khi xác định lại kết quả kinh doanh (Công ty mẹ)	-67.837.348đ
(21) Lợi nhuận chưa phân phối	-5.586.231.585đ
* Tăng	1.938.241.840đ
- Phân phối lại lợi nhuận sau khi xác định lại kết quả kinh doanh (Công ty mẹ)	705.373.477đ
- Do xác định lại lợi nhuận sau thuế	1.169.177.069đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	487.926.833đ

+ Công ty Cổ phần Viwaseen 3	580.045.583đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 6	89.465.781đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	11.738.873đ
- Điều chỉnh giảm phân bổ chi phí công cụ năm 2009 theo Biên bản thanh tra thuế (Công ty Cổ phần Viwaseen 3)	42.576.679đ
- Điều chỉnh lợi ích cổ đông thiểu số theo kết quả kiểm toán lợi nhuận chưa phân phối	21.114.615đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 1	20.725.651đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 2	388.964đ
* Giảm	-7.524.473.425đ
- Do xác định lại lợi nhuận sau thuế	-6.720.773.187đ
+ Công ty Mẹ	-6.676.784.406đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 1	-43.178.440đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 2	-810.341đ
- Điều chỉnh số lập báo cáo sai khoản tiền truy thu thuế các năm trước (Công ty Cổ phần Waseco)	-482.258.884đ
- Điều chỉnh tăng thuế TNDN phải nộp năm 2009 theo Biên bản thanh tra thuế (Công ty Cổ phần Viwaseen 3)	-3.235.189đ
- Điều chỉnh lại lợi ích cổ đông thiểu số theo kết quả kiểm toán lợi nhuận chưa phân phối	-318.206.165đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	-2.267.179đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 3	-272.530.312đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 6	-37.575.628đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	-5.833.046đ
(22) Lợi ích cổ đông thiểu số	297.091.551đ
* Tăng	318.206.165đ
- Điều chỉnh lại lợi ích cổ đông thiểu số theo kết quả kiểm toán lợi nhuận chưa phân phối	318.206.165đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	2.267.179đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 3	272.530.312đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 6	37.575.628đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	5.833.046đ
* Giảm:	-21.114.615đ
- Điều chỉnh lợi ích cổ đông thiểu số theo kết quả kiểm toán lợi nhuận chưa phân phối	-21.114.615đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 1	-20.725.651đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 2	-388.964đ

GIẢI THÍCH NGUYÊN NHÂN CHÊNH LỆCH

Kèm theo Báo cáo Tài chính năm 2010 của Tổng công ty Viwaseen

(1) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-226.893.651.562đ
* Tăng	24.309.969.017đ
- Do đơn vị tính thiếu doanh thu các công trình	24.309.969.017đ
+ Công ty Mẹ	20.442.039.782đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	2.068.939.708đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 6	494.836.175đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	1.304.153.352đ
* Giảm	-251.203.620.579đ
- Bù trừ doanh thu, giá vốn nội bộ các đơn vị trực thuộc	-84.428.694.746đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	-54.992.275.471đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	-29.436.419.275đ
- Bù trừ doanh thu, giá vốn nội bộ giữa TCT và các công ty con khi lập báo cáo hợp nhất	-166.774.925.833đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	-3.538.866.213đ
+ Công ty Cổ phần Wase	-1.542.959.275đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 1	-16.723.386.535đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 2	-1.224.283.242đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 3	-69.147.171.818đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 4	-12.155.825.489đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 6	-29.185.011.648đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 11	-3.035.399.220đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	-4.342.625.243đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 14	-13.321.921.707đ
+ Công ty Cổ phần Địa Lợi	-12.557.475.443đ
(2) Giá vốn hàng bán	-228.089.141.800đ
* Tăng	26.545.636.650đ
- Kết chuyển giá vốn tương ứng với tăng doanh thu	6.265.349.746đ
+ Công ty Mẹ	3.577.452.978đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	1.685.970.552đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	657.867.716đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 6	344.058.500đ
- Trích chi phí phải trả tương ứng với tăng doanh thu	16.796.248.471đ
+ Công ty Mẹ	16.241.253.383đ

+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	554.995.088đ
- Kết chuyển chi phí dở dang các công trình để lại không hợp lý (Công ty Mẹ)	2.989.989.932đ
- Thuê GTGT đầu vào không được khấu trừ	463.945.770đ
+ Công ty Mẹ	122.884.161đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	171.338.833đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 1	89.188.548đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 3	54.666.654đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	25.867.574đ
- Do tăng thuế tài nguyên nước (Công ty Cổ phần Viwaseen 6)	612.278đ
- Trích bổ sung công cụ, dụng cụ (Công ty Cổ phần Viwaseen 2)	29.490.453
* Giảm	-254.634.778.450đ
- Bù trừ doanh thu, giá vốn nội bộ các đơn vị trực thuộc	-84.428.694.746đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	-54.992.275.471đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	-29.436.419.275đ
- Bù trừ doanh thu, giá vốn nội bộ giữa TCT và các công ty con khi lập báo cáo hợp nhất (Chi tiết xem giải thích phần DT)	-166.774.925.833đ
- Đơn vị kết chuyển quá giá vốn công trình	-2.082.023.932đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	-1.548.243.770đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 3	-533.780.162đ
- Điều chỉnh các khoản chi bằng Quỹ khen thưởng phúc lợi (Công ty Cổ phần Waseco)	-67.105.350đ
- Hoàn nhập các khoản chi phí trích trước không chi hết	-1.026.187.682đ
+ Công ty Mẹ	-80.781.945đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	-945.405.737đ
- Giảm phân bổ lại chi phí công cụ, dụng cụ theo Biên bản thanh tra thuế (Công ty Cổ phần Viwaseen 3)	-93.933.866đ
- Điều chỉnh hạch toán lãi vay chưa đúng quy định (Công ty Cổ phần Viwaseen 2)	-90.983.865
- Hạch toán chi phí không có chứng từ hợp lệ (Công ty Cổ phần Viwaseen 2)	-70.923.176
3. Doanh thu tài chính	-26.961.120.435đ
- Bù trừ doanh thu, chi phí tài chính nội bộ giữa TCT và các Công ty con khi lập báo cáo tài chính hợp nhất	-5.919.469.528đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	-2.090.791.297đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 4	-3.828.678.231đ

- Bù trừ doanh thu, giá vốn nội bộ các đơn vị trực thuộc (Công ty Cổ phần Viwaseen 12)	-551.499.896
- Loại trừ Cổ tức được chia từ công ty liên kết	-1.215.178.000đ
+ Công ty CP Trường An	-320.900.000đ
+ Công ty Cp Bình Hiệp	-498.000.000đ
+ Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật TSC	-157.403.000đ
+ Công ty CP Bất động sản Dầu khí-PETROWACO	-238.875.000đ
- Loại trừ Cổ tức được chia từ công ty con	-19.274.973.011đ
+ Công ty Cổ phần WASECO	-10.800.000.000đ
+ Công ty CP WASE	-765.816.000đ
+ Công ty CP VIWASEEN 1	-520.000.000đ
+ Công ty CP VIWASEEN 2	-468.000.000đ
+ Công ty CP VIWASEEN 3	-840.000.000đ
+ Công ty CP VIWASEEN 4	-459.000.000đ
+ Công ty CP VIWASEEN 6	-1.044.000.000đ
+ Công ty CP VIWASEEN 11	-237.150.000đ
+ Công ty CP VIWASEEN 12	-339.600.000đ
+ Công ty CP VIWASEEN 14	-752.576.730đ
+ Công ty CP VIWASEEN Huế	-3.048.830.281đ
(4) Chi phí tài chính	-3.875.047.959đ
* Tăng	2.595.921.465đ
- Điều chỉnh số đơn vị phân bổ chi phí lãi vay vào Dự án Chung cư Vũng Tàu không đủ căn cứ (Công ty Cổ phần Waseco)	2.504.937.600đ
- Điều chỉnh hạch toán Chi phí Lãi vay chưa đúng quy định (Công ty Cổ phần Viwaseen 2)	90.983.865
* Giảm	-6.470.969.424đ
- Bù trừ doanh thu, giá vốn nội bộ giữa TCT và các công ty con khi lập báo cáo hợp nhất (Chi tiết xem giải thích phần DT)	-5.919.469.528đ
- Bù trừ doanh thu, giá vốn nội bộ các đơn vị trực thuộc (Công ty Cổ phần Viwaseen 12)	-551.499.896đ
(5) Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.413.401.906đ
* Tăng	4.577.791.566đ
- Trích dự phòng nợ khó đòi quá hạn	4.507.357.816đ
+ Công ty Mẹ	4.268.025.679đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	197.656.492đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 1	31.000.645đ

+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	10.675.000đ
- Phân bổ bổ sung chi phí trả trước dài hạn	26.666.666đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	26.666.666đ
- Tăng chi phí nước tiêu dùng nội bộ (Công ty Cổ phần Viwaseen 6)	43.767.084đ
* Giảm	-164.389.660đ
- Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi chưa đủ điều kiện	-78.404.205đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 3 (Theo Biên bản thanh tra thuế)	-78.404.205đ
- Các khoản phải chi bằng Quỹ khen thưởng phúc lợi	-66.800.000đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	-66.800.000đ
- Điều chỉnh tăng chi phí XD CB dở dang lệ phí trước bạ ô tô (Công ty Cổ phần Viwaseen 6)	-19.185.455đ
(6) Thu nhập khác	- 73.284.607đ
- Các khoản nợ phải trả không có đối tượng trả	73.284.607đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 1	73.284.607đ
(7) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-188.952.408đ
* Tăng	297.032.622đ
- Tăng tương ứng với tăng lợi nhuận chịu thuế do KTNN phát hiện	278.142.543đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	130.923.140đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 3	52.515.917đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 6	36.117.987đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	16.342.435đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 2	42.243.064đ
- Điều chỉnh tăng thuế TNDN năm 2010 theo Biên bản thanh tra thuế (Công ty Cổ phần Viwaseen 3)	18.890.079đ
* Giảm	-485.985.031đ
- Giảm tương ứng với giảm lợi nhuận chịu thuế (Công ty Cổ phần Viwaseen 1)	-3.726.147đ
- Do lập báo cáo sai tổng hợp số truy thu thuế năm trước đơn vị ghi vào thuế hiện hành	-482.258.884đ
(8) Lợi nhuận sau thuế TNDN	-5.551.596.117đ
- Do xác định lại kết quả kinh doanh	-5.551.596.117đ
+ Công ty Mẹ	-6.676.784.406đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	487.926.833đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 1	-43.178.440đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 3	580.045.583đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 6	89.465.781đ

+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	11.738.873đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 2	-810.341đ
(9) Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	472.684.849đ
* Tăng	493.799.463đ
- Điều chỉnh lợi ích cổ đông thiểu số theo kết quả kiểm toán các công ty	493.799.463đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	195.170.733đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 3	255.220.056đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 6	37.575.628đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	5.833.046đ
* Giảm	-21.114.615đ
- Điều chỉnh lợi ích cổ đông thiểu số theo kết quả kiểm toán các công ty	-21.114.615đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 1	-20.725.651đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 2	-388.964đ
(10) Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	-26.514.431.977đ
Do các nguyên nhân giải thích ở phần trên	

GIẢI THÍCH NGUYÊN NHÂN CHÈNH LỆCH

Kèm theo Báo cáo Tài chính năm 2010 của Tổng công ty Viwaseen

A. Các khoản thuế phải thu nhà nước

(1) Thuế GTGT	4.241.859.770đ
* Tăng	4.296.526.424đ
- Do tổng hợp lập báo cáo hợp nhất nhằm (Công ty Cổ phần Viwaseen 3)	4.296.526.424đ
* Giảm	-54.666.654đ
- Thuế GTGT đầu vào của hóa đơn 20 tr.đ không thanh toán qua ngân hàng (Công ty Cổ phần Viwaseen 3)	-54.666.654đ

B. Các khoản thuế phải nộp nhà nước

(1) Thuế GTGT	2.719.117.902đ
- Tăng thuế GTGT đầu ra tương ứng với tăng doanh thu	2.426.620.220đ
+ Công ty Mẹ	2.044.204.005đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	206.893.971đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 6	45.106.909đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	130.415.335đ
- Giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	292.497.682đ
+ Công ty Mẹ	6.102.727đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	171.338.833đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 1	89.188.548đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	25.867.574đ
(2) Thuế thu nhập doanh nghiệp	296.541.665đ
* Tăng	300.267.811đ
- Tăng tương ứng với tăng lợi nhuận chịu thuế do KTNN phát hiện	278.142.543đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	130.923.140đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 2	42.243.064đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 3	52.515.917đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 6	36.117.987đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 12	16.342.435đ
- Điều chỉnh tăng thuế TNDN phải nộp năm 2009 theo Biên bản thanh tra thuế (Công ty Cổ phần Viwaseen 3)	3.235.189đ
- Tăng tương ứng với tăng lợi nhuận chịu thuế theo Biên bản thanh tra thuế (Công ty Cổ phần Viwaseen 3)	18.890.079đ
* Giảm	-3.726.147đ
- Giảm tương ứng với giảm lợi nhuận chịu thuế	-3.726.147đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 1	-3.726.147đ

(3) Thuế thu nhập cá nhân	534.662.443đ
- Do tính thiếu thuế thu nhập cá nhân	22.158.580đ
+ Công ty Cổ phần Waseco	16.465.124đ
+ Công ty Cổ phần Viwaseen 6	5.693.456đ
- Điều chỉnh số đơn vị lập báo cáo sai tổng hợp vào thuế khác (Công ty Cổ phần Waseco)	512.503.863đ
(4) Thuế tài nguyên	612.278đ
- Hạch toán thuế tài nguyên (Công ty Cổ phần Viwaseen 6)	612.278
(5) Thuế khác	-512.503.863đ
- Điều chỉnh số đơn vị lập báo cáo sai tổng hợp vào thuế khác (Công ty Cổ phần Waseco)	-512.503.863đ

Phụ biểu số 04/BCKT-DNNN
BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DO KIỂM TOÁN PHÁT HIỆN
 Kèm theo Báo cáo Tài chính năm 2010 của Tổng công ty Viwaseen

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Các khoản thuế								Phí, lệ phí	Thu khác
			GTGT	TNDN	XNK	TTDB	Nhà, đất	TNCN	Thuế Tài nguyên	Phải nộp khác		
1	Số tăng do kiểm toán phát hiện	3.020.031.303	2.719.117.902	278.142.543	0	0	0	22.158.530	612.278	0	0	
1	+ Công ty Mẹ	2.050.306.732	2.050.306.732									
2	+ Công ty Cổ phần Waseco	525.621.068	378.232.804	130.923.140				16.465.124				
3	+ Công ty Cổ phần Vivaseen 1	89.188.548	89.188.548									
7	+ Công ty Cổ phần Vivaseen 2	42.243.064		42.243.064								
4	+ Công ty Cổ phần Vivaseen 3	52.515.917		52.515.917								
5	+ Công ty Cổ phần Vivaseen 6	87.530.630	45.106.909	36.117.987				5.693.456	612.278			
6	+ Công ty Cổ phần Vivaseen 12	172.625.344	156.282.909	16.342.435								

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN HỖ TRỢ LÃI SUẤT NĂM 2010

Kèm theo Báo cáo Tài chính năm 2010 của Tổng công ty Viwaseen

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
I	Dư nợ vay vốn HTLS đến 31/12/2010	9.841.405.609	9.841.405.609	0
a	Theo Quyết định 131/QĐ-TTg			0
b	Theo Quyết định 443/QĐ-TTg	9.841.405.609	9.841.405.609	0
	Công ty mẹ	9.841.405.609	9.841.405.609	0
c	Theo Quyết định 497/QĐ-TTg	0	0	0
III	Số tiền lãi được HTLS năm 2010	510.904.091	0	0
a	Theo Quyết định 131/QĐ-TTg	0	0	0
b	Theo Quyết định 443/QĐ-TTg	510.904.091	0	0
	Công ty mẹ	510.904.091		
c	Theo Quyết định 497/QĐ-TTg	0	0	0

Ghi chú: Số liệu tổng hợp tại 7 đơn vị được kiểm toán

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Kèm theo Báo cáo Tài chính năm 2010 của Tổng công ty Viwaseen

TT	Diễn giải	Vốn góp đến 31/12/2010	Tỷ lệ vốn góp	LN 2010 dự kiến được chia năm 2011	Ghi chú
A	Đầu tư vào công ty con	197.229.249.000		18.619.039.200	
1	Công ty mẹ	156.379.249.000		18.619.039.200	
	Công ty Cổ phần Waseco	72.000.000.000	60,00%	10.800.000.000	
	Công ty Cổ phần Wase	4.080.000.000	51,00%	725.016.000	
	Công ty Cổ phần Viwaseen 1	5.278.028.000	52,00%	520.000.000	
	Công ty Cổ phần Viwaseen 2	5.277.991.000	52,00%	676.000.000	
	Công ty Cổ phần Viwaseen 3	5.600.000.000	56,00%	896.000.000	
	Công ty Cổ phần Viwaseen 4	7.763.120.000	51,00%		
	Công ty Cổ phần Viwaseen 6	8.700.000.000	58,00%	1.044.000.000	
	Công ty Cổ phần Viwaseen 11	4.743.000.000	51,00%	284.580.000	
	Công ty Cổ phần Viwaseen 12	5.031.000.000	50,30%	433.910.000	
	Công ty Cổ phần Viwaseen 14	6.276.000.000	62,80%	753.120.000	
	Công ty Cổ phần Viwaseen 15	5.810.000.000	58,10%		
	Công ty Cổ phần Viwamex	5.100.000.000	51,00%		
	Công ty Cổ phần Viwaseen - Huế	20.720.110.000	34,50%	2.486.413.200	
2	Công ty Cổ phần Waseco	40.850.000.000		0	
	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Địa Lợi	40.850.000.000	95%		
B	Liên doanh, liên kết	72.570.900.000		7.107.857.475	
1	Đơn vị đã đi vào sản xuất kinh doanh	36.570.900.000		7.107.857.475	
1	Công ty mẹ	36.570.900.000		7.107.857.475	
	Công ty TNHH ống gang Đài Việt	9.556.900.000	33,30%	5.382.522.475	
	Công ty Cổ phần ĐT&XD Trường An - Viwaseen	3.209.000.000	48,60%	481.350.000	
	Công ty Cổ phần Bình Hiệp	4.150.000.000	20,80%	830.000.000	
	Công ty Cổ phần dịch vụ kỹ thuật TSC	1.300.000.000	20,00%	156.000.000	
	Công ty Cổ phần ĐT&PT dịch vụ Dầu khí - PISD	7.500.000.000	15,00%		
	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Petrowaco	9.555.000.000	9,50%	257.985.000	
	Công ty Cổ phần ĐTXD Hạ Tầng - Viwaseen 7	1.300.000.000	26,00%		

II Các đơn vị đang đầu tư	36.000.000.000		0
I Công ty mẹ	36.000.000.000		0
Công ty Cổ phần Thủy điện Viwaseen - Tây Bắc	36.000.000.000	28,00%	
C Đầu tư khác	9.649.736.275		270.131.797
I Đơn vị đã đi vào sản xuất kinh doanh	9.649.736.275		270.131.797
I Công ty mẹ	4.200.310.000		0
Công ty Cổ phần siêu thị Vinaconex	200.000.000	1%	
Công ty Cổ phần BOT cầu Đồng Nai	4.000.000.000	1%	
Công ty Cổ phần Vinaconex6	310.000		
2 Công ty Cổ phần Waseco	4.487.946.475		148.120.600
Công ty Cổ phần Viwaseen 15	1.220.303.364	4%	19.572.600
Công ty Cổ phần Viwaseen 12	1.400.000.000	12%	
Công ty Điện nước An Giang	1.521.000.000	14%	128.548.000
Công ty khoan và xây dựng cấp thoát nước	346.643.111	0,31%	
3 Công ty Cổ phần Viwaseen 1	434.428.160		62.920.000
Công ty Cổ phần Viwaseen 2	262.772.480	2,88%	37.440.000
Công ty Cổ phần Viwaseen 3	150.739.680	3,64%	25.480.000
Chi nhánh TCT tại Hải Dương	20.916.000	0,41%	
4 Công ty Cổ phần Viwaseen 2	527.051.640		59.091.197
Công ty Cổ phần Viwaseen 1	150.000.000	1,50%	15.000.000
Công ty Cổ phần Viwaseen 3	231.000.000	1,16%	26.565.000
Chi nhánh TCT tại Hải Dương	146.051.640	0,97%	17.526.197
II Các đơn vị đang đầu tư			
Tổng cộng	279.449.885.275		148.120.600

Ghi chú: Số liệu tổng hợp tại 7 đơn vị được kiểm toán

TỔNG HỢP CÔNG TÁC SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

Kèm theo Báo cáo Tài chính năm 2010 của Tổng công ty Viwaseen

T	Nội dung (Quyết định, địa điểm....)	Tổng DT đất được giao (M2)	Trong đó			Tình hình sử dụng		
			DT đã cấp giấy chứng nhận SD đất	DT có quyết định thuê đất	DT được giao làm ĐA	Bị lấn chiếm	Sử dụng sai mục đích	Sử dụng không hiệu quả, lãng phí..
	B	1	2	3	4	5	6	7
	Công ty mẹ	51.550,80	33.071,30	18.479,50	0,00			
	Văn bản số 5714/BTC-QLCS ngày 20/4/2009 của Bộ Tài chính. Địa điểm số 52 Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội	1.282,00	1.282,00					
	Số 56+58/85 Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	12.555,70	12.555,70					
	Km 14+500 Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	10.270,50		10.270,50				
	Số 67, Ngõ 14, phố Vũ Hữu, Thanh Xuân, Hà Nội	8.209,00		8.209,00				
	Phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	19.233,60	19.233,60					
	Công ty Cổ phần Waseco	83.593,80	20.065,60	63.528,2	0	0	0	0
	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 234516 ngày 04/01/2005 của UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Địa điểm : 40D Lê Lợi, Phường 6, TP Vũng tàu	6.148,40	6.148,40					
	Giấy chứng nhận QSDĐ số AN 691639 ngày 18/02/2009 của UBND tỉnh Đắk Nông ; Địa điểm: Thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	875,00	875,00					
	Giấy chứng nhận QSDĐ số AN 951640 ngày 18/02/2009 của UBND tỉnh Đắk Nông: Địa điểm thuê: Thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	1.045,00	1.045,00					

Giấy chứng nhận QSDĐ số 962809 ngày 17/09/2002 của UBND TP HCM ; Địa điểm thuê: Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP HCM	56.427,00		56.427,00				
Giấy chứng nhận QSDĐ số 446315 ngày 30/07/2009 của UBND thành phố HCM; Địa điểm: 10 Phở Quang, phường 2, Tân Bình, TP HCM	5.896,40	5.896,40					
Giấy chứng nhận QSDĐ số 746314 ngày 30/07/2009 của UBND thành phố HCM; Địa điểm: 10 Phở Quang, phường 2, Tân Bình, TP HCM	6.100,80	6.100,80					
Quyết định 2615/QĐ-UBND ngày 16/6/2010 V/v cho Công ty Waseco thuê đất tại số 10 Phở Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP HCM	7.101,20		7.101,20				
3 Công ty Cổ phần Viwaseen 6	22.362,80	21.552,80	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
Xã Tiền Trung - Nam Sách - Hải Dương; mục đích làm trụ sở sản xuất kinh doanh	21.552,80	21.552,80					
Hòa Lạc; Mục đích giao làm trụ sở sản xuất kinh doanh	810,00						
Công ty Cổ phần Viwaseen 12	9.541,60	9.541,60					
Thành phố Nha Trang; Mục đích thuê đất làm trụ sở SXKD	9.541,60	9.541,60					
Tổng cộng	167.049,00	84.231,30	82.007,70	0,00			

Ghi chú: Số liệu tổng hợp tại 7 đơn vị được kiểm toán

100%